

Thái Nguyên, ngày 21 tháng 8 năm 2018

ĐIỂM THI

**PHẦN II: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VÀ LỊCH SỬ ĐẢNG
CỘNG SẢN VIỆT NAM**

LỚP TCLLCT-HC HỆ TẬP TRUNG KHÓA 9, TẠI ĐẢNG BỘ THỊ XÃ PHỔ YÊN

STT	Họ và tên	Số báo danh	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
1	Lê Thái Anh	1	93	8.0	Tám	
2	Trần Thị Vân Anh	2	70	8.0	Tám	
3	Trần Thị Ngọc Anh	3	74	7.5	Bảy rưỡi	
4	Nguyễn Thị Bích	4	30	8.0	Tám	
5	Trần Thị Bích	5	71	7.5	Bảy rưỡi	
6	Đinh Văn Bình	6	17	7.0	Bảy	
7	Nguyễn Thanh Bình	7	39	7.5	Bảy rưỡi	
8	Nguyễn Hải Chiêu	8	29	8.0	Tám	
9	Ngô Tiến Chúc	9	04	8.0	Tám	
10	Nguyễn Viết Công	10	49	7.5	Bảy rưỡi	
11	Trần Đoàn Cường	11	91	7.5	Bảy rưỡi	
12	Vũ Khắc Doanh	12	94	7.0	Bảy	
13	Nguyễn Phương Dung	13	28	8.0	Tám	
14	Tạ Việt Dũng	14	88	7.0	Bảy	
15	Bùi Quý Dương	15	52	7.0	Bảy	
16	Đặng Thị Thùy Dương	16	46	8.5	Tám rưỡi	
17	Lê Thùy Dương	17	76	7.5	Bảy rưỡi	
18	Ngô Thị Thanh Giang	18	50	8.0	Tám	
19	Dương Thị Đoàn	19	83	7.5	Bảy rưỡi	
20	Cù Xuân Đức	20	13	8.0	Tám	
21	Trần Lam Giang	21	81	7.5	Bảy rưỡi	
22	Nguyễn Thị Thu Hà	22	37	7.5	Bảy rưỡi	
23	Nguyễn Thị Hà	23	79	7.5	Bảy rưỡi	



STT	Họ và tên	Số báo danh	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
24	Đông Thị Thúy Hằng	24	10	8.0	Tám	
25	Nguyễn Thị Hằng Sa	25	48	7.5	Bảy rưỡi	
26	Nguyễn Thị Hạnh	26	21	7.0	Bảy	
27	Nguyễn Thị Thanh Hiền	27	60	8.5	Tám rưỡi	
28	Nguyễn Thị Thu Hiền	28	24	8.0	Tám	
29	Trần Thị Hiền	29	75	8.0	Tám	
30	Hoàng Thị Hiền	30	42	7.5	Bảy rưỡi	
31	Nguyễn Văn Hiền	31	89	7.5	Bảy rưỡi	
32	Nguyễn Thị Thanh Hoa	32	67	7.5	Bảy rưỡi	
33	Triệu Thị Thanh Hoa	33	34	8.0	Tám	
34	Hà Ngọc Hòa	34	86	7.0	Bảy	
35	Lê Thị Thanh Hòa	35	41	7.0	Bảy	
36	Lê Xuân Hồng	36	92	7.0	Bảy	
37	Hoàng Ngọc Huân	37	87	7.0	Bảy	
38	Ngô Mạnh Hùng	38	12	6.5	Sáu rưỡi	
39	Nguyễn Đức Hùng	39	11	7.5	Bảy rưỡi	
40	Ngô Quốc Hưng	40	82	8.0	Tám	
41	Lê Thị Việt Hương	41	20	7.5	Bảy rưỡi	
42	Lê Thị Hường	42	35	7.5	Bảy rưỡi	
43	Nguyễn Thị Hường (A)-1979	43	03	7.0	Bảy	
44	Nguyễn Thị Hường (B)1974	44	64	7.0	Bảy	
45	Nguyễn Thị Hường (C)1976	45	54	7.0	Bảy	
46	Nguyễn Thị Hường (D)1985	46	78	8.0	Tám	
47	Nguyễn Trường Huy	47	14	8.0	Tám	
48	Nguyễn Xuân Khương	48	23	8.0	Tám	
49	Hoàng Thị Phong Lan	49	80	7.5	Bảy rưỡi	
50	Nguyễn Thị Thanh Lan	50	05	7.5	Bảy rưỡi	
51	Lê Thị Lan	51	18	7.5	Bảy rưỡi	
52	Nguyễn Thị Hồng Liên	52	43	7.0	Bảy	
53	Hoàng Thị Lụa	53	16	8.0	Tám	
54	Lương Văn Luân	54	85	7.0	Bảy	

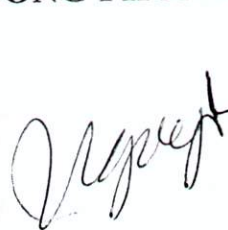
STT	Họ và tên	Số báo danh	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
55	Nguyễn Thị Lý	55	66	8.5	Tám rưỡi	
56	Lưu Thị Lý	56	02	8.0	Tám	
57	Nguyễn Thị Mận	57	45	7.5	Bảy rưỡi	
58	Trần Thị Hồng Minh	58	27	8.5	Tám rưỡi	
59	Phạm Thị Tuyết Minh	59	72	7.5	Bảy rưỡi	
60	Nguyễn Thị Tuyết Mười	60	68	7.0	Bảy	
61	Nguyễn Huy Nam	61	40	7.5	Bảy rưỡi	
62	Nguyễn Thị Nga	62	36	7.0	Bảy	
63	Nguyễn Thị Phú	63	47	7.0	Bảy	
64	Trịnh Văn Quân	64	01	7.0	Bảy	
65	Triệu Hoàng Quân	65	69	8.0	Tám	
66	Đoàn Tiến Quân	66	53	7.5	Bảy rưỡi	
67	Nguyễn Hữu Quảng	67	84	8.0	Tám	
68	Dương Thị Hồng Quyên	68	44	8.0	Tám	
69	Mẫn Thị Quyên	69	19	8.0	Tám	
70	Vũ Văn Sáng	70	51	7.0	Bảy	
71	Phan Thanh Sơn	71	31	7.0	Bảy	
72	Đặng Thái Sơn	72	65	7.5	Bảy rưỡi	
73	Hoàng Thị Thắm	73	56	8.0	Tám	
74	Lê Minh Thắng	74	32	8.5	Tám rưỡi	
75	Nguyễn Chí Thanh	75	38	7.5	Bảy rưỡi	
76	Lê Chí Thành	76	61	7.0	Bảy	
77	Trần Thị Thao	77	57	8.0	Tám	
78	Trần Thị Phương Thảo	78	62	7.5	Bảy rưỡi	
79	Hà Kim Thiệp	79	55	7.0	Bảy	
80	Nguyễn Thị Thoa	80	58	7.5	Bảy rưỡi	
81	Nguyễn Thị Ngọc Thúy	81	59	8.0	Tám	
82	Nguyễn Thị Thủy (A)1976	82	63	7.5	Bảy rưỡi	
83	Nguyễn Thị Thủy (B)-1980	83	22	8.0	Tám	
84	Lê Thu Thủy	84	26	8.0	Tám	
85	Vũ Văn Tiến	85	06	7.0	Bảy	



STT	Họ và tên	Số báo danh	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
86	Hà Đức Tô	86	25	8.0	Tám	
87	Đồng Thành Trình	87	90	7.5	Bảy rưỡi	
88	Lại Xuân Trường	88	15	7.0	Bảy	
89	Phan Anh Tuấn	89	08	7.0	Bảy	
90	Lường Công Tuấn	90	09	7.5	Bảy rưỡi	
91	Trần Văn Tùng	91	73	7.5	Bảy rưỡi	
92	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	92	33	7.0	Bảy	
93	Trịnh Hoàng Vân	93	77	7.5	Bảy rưỡi	
94	Đỗ Thị Viện	94	07	7.0	Bảy	

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO TRƯỞNG KHOA XĐĐ

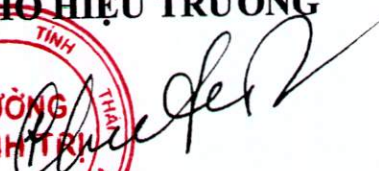
KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Phúc Ái



Ngô Thị Hồng Nhung

Phạm Minh Chuyên